| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CỦ CHI**<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 894/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Châu Thị Thanh Thà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1- Ông Huỳnh Văn Bé

2- Bà Phạm Thị Ngọc

*Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Thành – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa*

Ngày 17 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 454/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 182/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 05/7/2018 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Ngọc R, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 4A Đường số 535, Tổ M, ấp N, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

*2. Bị đơn:* Ông Ngô Văn D, sinh năm 1969;

Địa chỉ: Số 4A Đường số 535, Tổ M, ấp N, xã H, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn nội dung xin ly hôn ngày 05/4/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Trần Thị R trình bày: Bà và ông Dn tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 1999 được UBND xã H, huyện Củ Chi cấp giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 1 ngày 29/7/1999.

Qua nhiều năm chung sống, cuộc sống vợ chồng ông xảy ra nhiều mâu thuẩn trầm trọng và không còn hạnh phúc. Nguyên nhân là vợ chồng bất đồng quan điểm dẫn đến thường xiêng cãi vã. Bà nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể hàn gắn được, tuy vợ chồng còn sống chung nhà nhưng không còn tình cảm gì với nhau, vợ chồng sống ly thân nhiều năm nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên bà yêu cầu được ly hôn với ông D.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Bích T, sinh ngày 02/8/1994 đã trưởng thành và Ngô Phước T, sinh ngày 25/6/2001 bà yêu cầu được nuôi trẻ Tài và không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: 01 giấy khai sinh (bản sao), chứng minh nhân dân+ sổ hộ khẩu (sao y); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Tại bản tự khai ngày 20/6/2018 ông Ngô Văn D trình bày: Ông không đồng ý ly hôn với bà R vì ông còn thương vợ con nên có nguyện vọng đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án thì ông D cho rằng nếu bà R kiên quyết xin ly hôn thì ông đồng ý với điều kiện là bà R phải ra khỏi nhà vì ông là chủ hộ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Bích T, sinh ngày 02/8/1994 đã trưởng thành và Ngô Phước T, sinh ngày 25/6/2001 ông đồng ý với ý kiến bà R giao cho bà R nuôi trẻ T và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Ông xác định không có.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo nội dung đơn khởi kiện có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn được quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, bị đơn có nơi cư trú tại xã H, huyện Củ Chi nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

[2] Về nội dung: Quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị R và ông Ngô Văn D tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã H, huyện Củ Chi cấp giấy chứng nhận kết hôn số số 36, quyển số 1 ngày 29/7/1999 nên là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của bà R xin ly hôn với ông D là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ: Theo lời trình bày của bà R thì mâu thuẫn giữa bà và ông D là trầm trọng và không thể hàn gắn. Cuộc sống vợ chồng của ông bà không hạnh phúc. Hơn nữa, bà và ông D tuy còn sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai và cũng sống ly thân nhiều năm nay.

Ông Ngô Văn D mặc dù không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà R với lý do nếu ly hôn thì bà R phải đi ra khỏi nhà. Xét thấy lý do không đồng ý ly hôn của ông D là không có cơ sở chấp nhận vì: Tình cảm vợ chồng giữa ông và bà R là không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai người không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Bích T, sinh ngày 02/8/1994 đã trưởng thành và Ngô Phước T, sinh ngày 25/6/2001 ông đồng ý với ý kiến bà R giao cho bà R nuôi trẻ T và ông không cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử ghi nhận.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà R và ông D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Về tài sản chung: Bà R và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự: Bà R và ông D xác định không có nên Tòa không xem xét.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định: "Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn", Hội đồng xét xử buộc bà Rphải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Ngọc R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Ngọc R được ly hôn với ông Ngô Văn D.

Giấy chứng nhận kết hôn số 36, quyển số 1 ngày 29/7/1999 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện Củ Chi cấp cho bà Trần Ngọc R và ông Ngô Văn D không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Ngô Thị Bích T, sinh ngày 02/8/1994 đã trưởng thành và Ngô Phước T, sinh ngày 25/6/2001.

Giao cho bà Trần Ngọc R trực tiếp nuôi dưỡng trẻ Ngô Phước T, sinh ngày 25/6/2001. Ghi nhận sự tự nguyện của bà R không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con.

Các bên thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi, do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì bà R và ông D có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Ông D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ông D lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà R có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà R và ông D không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Nghĩa vụ dân sự: Bà R và ông D xác định không yêu cầu nên Tòa không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn) đồng buộc bà Trần Ngọc R phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số 00032344 ngày 20/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- UBND xã H, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ (12b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(ĐÃ KÝ)*

**Châu Thị Thanh Thà**